

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS - PT
Ngày 28 - 4 - 2022
V/v “Kiện tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B: Ông Đặng Ngọc T - Luật sư của Công ty luật B, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Bị đơn:

Ông Trần Văn P, sinh năm 1966; Bà Nguyễn Thị Quỳnh L, sinh năm 1977; Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1952; Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, ông P có mặt, bà L và bà T1 đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; đại diện theo pháp luật: Ông

Nguyễn Quỳnh H; chức vụ: Chủ tịch UBND phường L; đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân L1; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường L (Giấy ủy quyền ngày 16/11/2020), vắng mặt.

Ông Trần Trọng D, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

4. Người làm chứng: Ông Hoàng Chí T2, sinh năm 1949; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và bà Bùi Thị D1, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đều vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và Bản án dân sự sơ thẩm cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Năm 1990, bà Nguyễn Thị B và ông Hoàng Văn H1 (Chồng bà B) được Nhà nước giao quyền sử dụng đất tại thôn H, xã L (nay là phường L), thành phố P, tỉnh Hà Nam. Cũng vào khoảng năm 1990, bà B có cho ông Trần Trọng D mượn một phần đất để làm lối đi có diện tích là $51,25m^2$ (Giáp phía Bắc của nhà bà B); các hộ bà Ngô Thị T1, ông Trần Văn P tự ý đi lối này. Đến năm 2010, gia đình ông D không đi qua ngõ đi này nữa nên đã trả lại cho bà B nhưng các hộ gia đình nhà bà T1 và ông P vẫn sử dụng diện tích trên mà không trả lại cho bà B.

Năm 1999, Ủy ban nhân dân (UBND) xã L có lập trích lục bản đồ, đến năm 2001 có bản đồ chỉnh lý (Bản đồ hiện trạng), tờ bản đồ số 27 tại thôn H, xã L, thành phố P, với diện tích $648m^2$ mang tên ông Hoàng Văn H1. Đến năm 2006, gia đình bà B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn H1 diện tích $648,9m^2$, đất ở $101m^2$, đất vườn $547,9m^2$, tại thôn H, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Đến năm 2007, gia đình bà B chuyển nhượng $165m^2$ cho bà Phạm Thị Vân A (Phần diện tích đất chuyển nhượng này nằm ở phía Nam giáp nhà bà B và nhà ông V). Đến năm 2012 gia đình bà B được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE676327 mang tên ông Hoàng Hồng H diện tích $483m^2$; trong đó đất ở $180m^2$, đất trồng cây $303m^2$ và năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ613240 tại thửa số 192, tờ bản đồ số 27, với diện tích $483m^2$ đất; trong đó đất ở $180m^2$, đất trồng cây lâu năm $303m^2$.

Năm 2010, bà Nguyễn Thị B làm đơn gửi UBND xã L, thành phố P đề nghị giải quyết đất của bà B thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Ngày 15/5/2017, UBND phường L ban hành Thông báo số 16/TT-ĐT trả lời diện tích đất bị thiếu của hộ bà B là dịch ra đường liên thôn 60cm, chạy hết chiều dài thửa đất ($20m^2$) và giáp thửa 331 mà gia đình bà B đã bán, chạy theo hướng Đông Tây bình quân là 28cm ($10m^2$).

Nay quan điểm của bà Nguyễn Thị B: Yêu cầu gia đình bà Ngô Thị T1, ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Quỳnh L trả lại phần diện tích đất còn thiếu là 51,25m² có chiều dài 20m, chiều rộng 2,5m, phía Bắc giáp nhà ông Q, phía Đông giáp đường liên thôn, phía Tây giáp nhà bà T1, phía Nam giáp diện tích đất nhà bà B đang sử dụng.

Đề nghị Tòa án hủy bỏ Thông báo số 16/TT-ĐT ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Quan điểm trình bày của các bị đơn bà Ngô Thị T1, ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Quỳnh L: Năm 1990 gia đình ông P đã mở con đường đang có tranh chấp để làm lối đi, khi mở đường không xin phép hay báo cáo với chính quyền địa phương, thời điểm đó nhà bà B chưa xây dựng nhà ở và trên thửa đất là đất lưu không. Mặt khác, trước năm 1990 diện tích đất của hộ ông H1 là của Trường mẫu giáo, sau này giao lại cho UBND xã quản lý. Về đất ngõ đi đang có tranh chấp không phải của bà B cho ông D mượn; vì ngõ đi chung đã có từ trước khi bà B làm nhà nên việc bà B đòi lại ngõ đi là không có căn cứ. Do đó, các bị đơn đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa, diện tích đất đang có tranh chấp là ngõ đi chung của các hộ dân, không thuộc đất của bất kỳ ai nên các bị đơn không có quyền trả hay không trả.

Quan điểm trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Trọng D xác định: Khoảng năm 1997, giữa gia đình ông và gia đình bà Nguyễn Thị B có đổi cho nhau 50m² đất giáp công phía Đông nhà ông và nhà bà B, bà B nhận phần đất giáp nhà ông và nhà bà B về phía Tây khoảng 50m² hiện nay bà B đang sử dụng. Khi hai bên đổi chỉ trao đổi bằng miệng không có giấy tờ xác nhận. Hiện nay, hai bên gia đình không có tranh chấp diện tích đất đã đổi trước đó. Về phần ngõ đi mà bà B đang tranh chấp có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn, phía Tây giáp nhà ông D, phía Bắc giáp nhà ông Q, phía Nam giáp thửa đất bà B đang ở đã có từ năm 1990 và là ngõ đi chung của hộ ông Nguyễn Đình T3, Trần Thị Phương D2, Trần Văn D3, Trần Trọng D, Trần Văn P, Nguyễn Thị Quỳnh L, Ngô Thị T1 và nhà ông D3, không phải đất của cá nhân nào.

Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P cho rằng: Đề nghị điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị B theo hiện trạng sử dụng. Diện tích 303m² BHK (Đất trồng cây lâu năm) không có nguồn gốc từ việc chuyển đổi đất nông nghiệp từ ruộng canh tác, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền thực hiện đúng theo quy định hiện hành. Đối với Thông báo số 16/TT-ĐT ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P đã trả lời hộ bà B không có gì thay đổi.

Quan điểm trình bày của những người làm chứng:

Ông Hoàng Chí T2 xác nhận: Năm 1990, ông thay mặt gia đình bà B để nhận phần đất của hộ bà B, diện tích là 648,9m², phía Bắc giáp nhà ông Q, phía

Nam giáp nhà ông V, phía Đông giáp đường đi của thôn, phía Tây giáp nhà bà T1. Thời điểm đó chưa có ngõ đi đang có tranh chấp. Ông không biết và không chứng kiến việc đổi đất giữa hộ bà B và gia đình ông D.

Bà Bùi Thị D1 không biết việc đổi đất năm 1997 giữa ông D và gia đình bà B nhưng bà có viết Giấy thỏa thuận ngày 20/01/2010 theo ý của bà B. Nay bà thấy do không hiểu biết, việc tự ý viết Giấy thỏa thuận của bà là không đúng; mặt khác là hàng xóm nên viết Giấy để bà B làm sổ đỏ. Bà D1 khẳng định ngõ đi đang có tranh chấp đã hình thành từ năm 1990 và đến năm 1997 bà B và ông D mới trao đổi về việc đổi đất với nhau. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá đối với diện tích đất đang có tranh chấp thì chiều dài của thửa đất là 20,10m, chiều rộng là 2,5m; tổng diện tích là 50,25m². Trên đất không có tài sản.

Tuy nhiên, Hội đồng định giá không đưa ra được giá đất vì phần diện tích đất có tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của hộ bà B và không xác định được loại đất (Đất ở, hay đất vườn ao...). Do đó, Hội đồng định giá không có cơ sở để xác định giá trị của diện tích 50,25m² đất và chỉ có thể cung cấp đơn giá đất tại khu vực liền kề với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 27 tại Tổ dân phố H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam về đất ở trị giá 1.300.000đ/m².

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 184; Điều 186; Điều 227, 228, 229, 266, 271, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 175; Điều 176 và điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự. Các Điều 100, 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Quỳnh L, gia đình bà Ngô Thị T1.

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền là: 5.208.000 đồng bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.331.000đ (Ba triệu ba trăm ba một nghìn đồng). Được trừ số tiền 7.650.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004573 ngày 17/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà B được nhận lại 4.319.000đ (Bốn triệu ba trăm mười chín nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, bà Nguyễn Thị B kháng cáo đề nghị trả lại toàn bộ diện tích đất còn thiếu theo Giấy chứng nhận được cấp; ngày 22 tháng 12 năm 2021, người kháng cáo sửa đổi bổ sung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm: Sửa toàn bộ Bản án dân sự số 11/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý theo hướng: Công nhận diện tích ngõ đi chung hiện nay ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Quỳnh L và bà Ngô Thị T1 đi qua thuộc phần đất của gia đình bà B; hủy Thông báo số 16/TT-ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo về việc hủy Thông báo số 16/TT-ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2017 và giữ nguyên nội dung kháng cáo đòi lại diện tích ngõ đi chung và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận diện tích 51,25m² ngõ đi đang có tranh chấp là của bà Nguyễn Thị B.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L, bà T1, ông L1, ông T2 và bà D1 đều vắng mặt lần thứ hai; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 1990, hộ gia đình bà Nguyễn Thị B chuyển về ở tại thửa số đất số 192, tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã L. Đến năm 2006, hộ gia đình bà Nguyễn Thị B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu mang tên ông Hoàng Văn H1, tại thửa số 192, tờ bản đồ số 27; với diện tích 648,9m²; trong đó 101m² đất ở và 547,9m² đất vườn. Năm 2007, gia đình bà B chuyển nhượng cho chị Phạm Thị Vân A diện tích 165m² đất nằm ở phía Nam

mảnh đất của hộ bà B, nên ngày 12/3/2012, Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn H1 tại thửa số 192, tờ bản đồ số 27; diện tích 483m²; trong đó đất ở 180m², đất vườn 303m². Do năm 2017, ông Hoàng Văn H1 chết nên bà Nguyễn Thị B đề nghị cấp đổi tên người sử dụng đất và đến năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị B đúng với diện tích, số thửa như đã cấp cho ông H1.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận diện tích ngõ đi chung hiện nay ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Quỳnh L và bà Ngô Thị T1 đi qua thuộc phần đất của gia đình bà B, Hội đồng xét xử thấy: Tại Biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hà Nam ngày 19/4/2022 thì trích lục bản đồ năm 2001, thửa số 192, tờ bản đồ số 27, thuộc thôn H, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam mang tên ông Hoàng Văn H1, được thể hiện có ngõ đi chung ở phía Nam và phía Tây (Diện tích ngõ đi phần tiếp giáp nhà ông H1 khoảng 80m²), phía Bắc tiếp giáp thửa 128 (Nhà Q) không có ngõ đi, phía Đông giáp đường đi và tại trích đo hiện trạng thửa đất năm 2021, thể hiện phía Nam và phía Tây không còn ngõ đi mà ngõ đi được chuyển lên phía Bắc giáp nhà T4 (Thửa 251, tờ bản đồ 27, diện tích ngõ phần tiếp giáp nhà bà B khoảng 54m²), phía Nam giáp thửa nhà bà H2 (Thửa 331), phía Tây Bắc giáp nhà T5 (Thửa 242) và nhà T1 (Thửa số 190), phía Đông giáp đường đi. Như vậy, theo bản đồ năm 2001 và trích đo hiện trạng năm 2021 có sự chuyển đổi về ngõ đi; chuyển ngõ đi từ phía Nam lên phía Bắc và phần diện tích ngõ đi mới nhỏ hơn ngõ đi cũ khoảng gần 30m²; hộ bà B sử dụng diện tích đất của ngõ đi cũ (Phía Nam, sau đó bán cho chị Phạm Thị Vân A) và đã đổi diện tích ngõ đi mới (Phía Bắc, đang có tranh chấp) thành ngõ đi chung là hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông Trần Trọng D, cũng như bản đồ năm 2003 thể hiện diện tích 50,25m² đang có tranh chấp là ngõ đi chung không phải của riêng hộ bà Nguyễn Thị B.

Đối với diện tích đo hiện trạng hộ gia đình bà B đang sử dụng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình được cấp còn thiếu khoảng 30m² là phù hợp với Thông báo số 16/TT-ĐT ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại diện tích ngõ đi chung là có căn cứ.

Về kháng cáo đề nghị hủy Thông báo số 16/TT-ĐT ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, tại phiên tòa người kháng cáo đã rút kháng cáo trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B về việc đề nghị hủy Thông báo số 16/TB-ĐT ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 184; Điều 186; Điều 227, 228, 229, 266, 271, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 175; Điều 176 và điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự. Các Điều 100, 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Quỳnh L, bà Ngô Thị T1.

2/ Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền là: 5.208.000 đồng bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ.

3/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị B phải chịu 3.331.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba một nghìn đồng). Đối trừ số tiền 7.650.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004573 ngày 17/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà B được nhận lại 4.319.000đ (Bốn triệu ba trăm mười chín nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000321 ngày 27/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (Bà B đã nộp đủ).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy